

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Củng cố và hệ thống lại tính chất hoá học của dẫn xuất halogen và một số phương pháp điều chế.
- Mối quan hệ chuyển hoá giữa hidrocacbon và ancol - phenol qua hợp chất trung gian là dẫn xuất halogen.

2. Kỹ năng

- Viết pthh biểu diễn các phản ứng của ancol và phenol.
- Viết pthh của phản ứng chuyển hoá từ hidrocacbon thành các dẫn xuất.

B. CHUẨN BỊ

- Hệ thống câu hỏi về các nội dung chính cần tổng kết (công thức chung, CTCT, danh pháp, tính chất). Hệ thống câu hỏi liên quan kết nối hidrocacbon với ancol, phenol qua dẫn xuất halogen.
- HS : Ôn tập, so sánh etanol với phenol về đặc điểm cấu tạo và tính chất hoá học.

C. MỘT SỐ ĐIỂM LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Trong phạm vi một tiết học thì việc hệ thống một cách đầy đủ các nội dung cơ bản về dẫn xuất halogen, ancol và phenol là khó thực hiện. Vì vậy, cần tập trung vào phần tính chất hoá học và phương pháp điều chế. GV có thể yêu cầu HS chuẩn bị trước các nội dung quan trọng. Trong quá trình hệ thống kiến thức và luyện tập, có thể kết hợp khác sâu cho HS về các loại đồng phân và cách gọi tên ancol. Với dẫn xuất halogen, nếu có điều kiện mở rộng, có thể cho HS thấy sự tương đồng nào đó trong cách viết đồng phân và cách gọi tên với ancol. Ví dụ : với công thức phân tử C_3H_7Cl và C_3H_7OH thì số lượng đồng phân như nhau, cách gọi tên theo danh pháp thông thường tương tự nhau,...

Vì ancol và dẫn xuất halogen có sự tương đồng tương đối về tính chất (thế, tách) và có sự chuyển hoá lẫn nhau nên có thể lập bảng như trong SGK để tiện liên hệ.

Vì vậy, để giờ học có hiệu quả cao, GV cần hướng dẫn HS chuẩn bị ôn tập trước. Phần điều chế ancol có liên quan tới tính chất của dẫn xuất halogen, nên thông qua đó để kết hợp ôn tập, củng cố tính chất của dẫn xuất halogen.

Trong bài tập phân biệt các chất cần chú ý trạng thái của các chất (phenol là chất rắn, hầu hết các ancol, dẫn xuất halogen mà SGK đề cập là chất lỏng) để xây dựng bài tập chính xác.

D. GỢI Ý TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I – KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

Hoạt động 1. Hệ thống lại các kiến thức cần nhớ

GV có thể chuẩn bị bảng trống theo các nội dung trong SGK. Thông qua hệ thống câu hỏi đã được chuẩn bị, GV yêu cầu HS lần lượt bổ sung kiến thức vào các ô trong bảng.

Thông qua bảng, GV hướng dẫn HS so sánh giữa dẫn xuất halogen với ancol về mặt hình thức phản ứng (thế, tách).

Hoạt động 2. Luyện tập về đồng phân, tên gọi của ancol và dẫn xuất halogen

GV yêu cầu HS làm bài tập 1 trong SGK hoặc tương tự.

Hoạt động 3. Luyện tập về tính chất của ancol và phenol

Nếu HS khá, giỏi hoặc có điều kiện, GV nên bổ sung bài tập về liên kết hydro để giải thích tính chất vật lí của ancol, so sánh với dẫn xuất halogen có phân tử khối tương đương để thấy được ảnh hưởng của liên kết hydro đối với một số tính chất vật lí của ancol, phenol.

GV yêu cầu HS làm các bài tập 2, 3, 5 SGK hoặc bài tập tương tự.

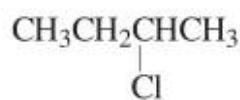
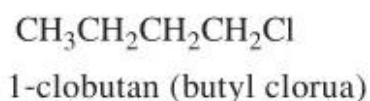
Hoạt động 4. Củng cố, dặn dò

GV có thể tóm tắt lại các điểm mấu chốt trong chương, hướng dẫn HS ôn tập chuẩn bị cho kiểm tra 1 tiết.

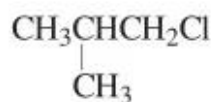
II – BÀI TẬP

1. Công thức cấu tạo và tên gọi các chất đồng phân :

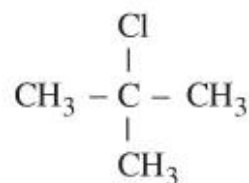
• C_4H_9Cl



2-clobutan (*sec*-butyl clorua)

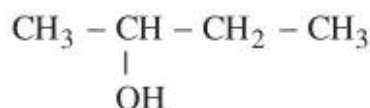
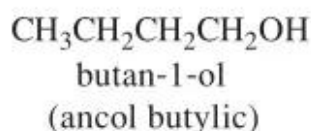


isobutyl clorua
(1-clo-2-metylpropan)

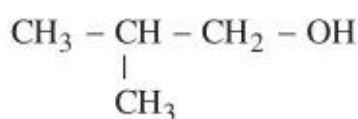


tert-butyl clorua
(2-clo-2-metylpropan)

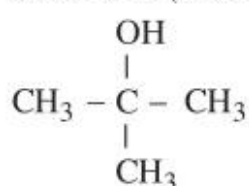
• Ancol $C_4H_{10}O$



butan-2-ol (ancol *sec*-butylic)

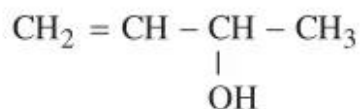
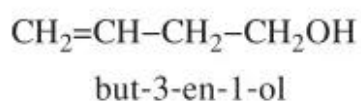


2-metylpropan-1-ol
(ancol isobutylic)

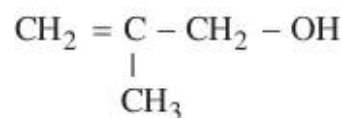
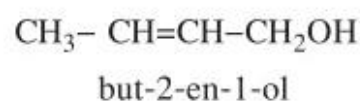


2-metylpropan-2-ol (ancol *tert*- butylic)

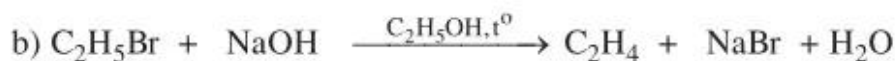
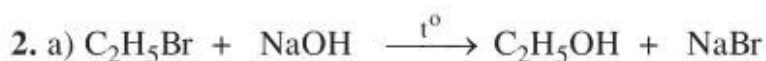
• Ancol C_4H_8O

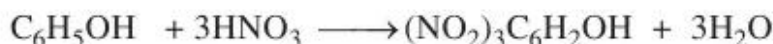


but-3-en-2-ol



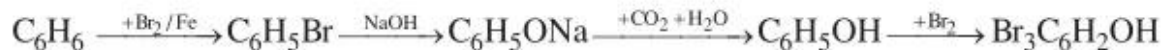
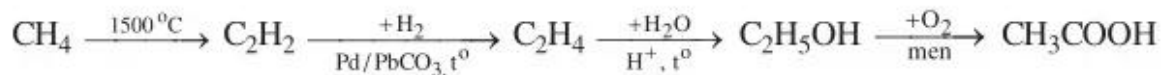
2-metylprop-3-en-1-ol





4. a) Đ ; b) Đ ; c) Đ ; d) Đ ; e) Đ ; g) S ; h) S.

5.



6. Số mol $\text{Br}_3\text{C}_6\text{H}_2\text{OH} = 19,86 : 331,0 = 0,06000$ (mol) ;

$$m_{\text{phenol}} = 0,06000 \times 94,0 = 5,64 \text{ (g)}$$

$$n_{\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}} = 0,2400 \text{ mol}$$

$$m_{\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}} = 0,2400 \times 46,0 = 11,05 \text{ (g)}$$

Phần trăm khối lượng của etanol là 66,2% ; phần trăm khối lượng của phenol = 33,8 % ;

7. A

Chất có nhiệt độ sôi cao nhất là phenol.